

Số: /QĐ-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án “Đầu tư nâng công suất công trình khai thác và chế biến đá
xây dựng tại mỏ đá thôn 10, xã Ea M’Đoal, huyện M’Đrăk”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên
và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về
việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh
giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt
động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án
đầu tư trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 42/GP-UBND ngày 19/8/2022 của
UBND tỉnh;*

*Căn cứ Công văn số 5322/ UBND-NNMT ngày 26/6/2023 của tỉnh Đăk Lăk
về việc cho phép lập thủ tục điều chỉnh Giấy phép khoáng sản số 42/GP-UBND
ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk;*

*Xét Công văn số 3114/STNMT-MT ngày 06/10/2023 của Sở Tài nguyên và
Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường dự án “Đầu tư nâng công suất công trình khai thác và chế biến đá xây
dựng tại mỏ đá thôn 10, xã Ea M’Đoal, huyện M’Đrăk”; Ý kiến thẩm định của Ủy
viên Hội đồng (đại diện Sở Tài chính) về nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi
trường của dự án ngày 5/12/2023; Công văn số 112/CV-DLP đề ngày 11/12/2023
của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dương Lâm Phát về việc phê duyệt kết
quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của “Dự án đầu tư xây
dựng nâng công suất công trình khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng
thông thường tại mỏ đá thôn 10, xã Ea M’Đoal, huyện M’Đrăk, tỉnh Đăk Lăk”;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
436/TTr-STNMT ngày 26/ 12 /2023,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Đầu tư nâng công suất công trình khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá thôn 10, xã Ea M’Đoal, huyện M’Đrăk” (Sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dương Lâm Phát (Sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện M’Đrăk;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Công ty TNHH Đầu tư TM Dương Lâm Phát
(Đ/c: thôn 18, xã Ea Riêng, huyện M’Đrăk);
- Lưu: VT, NNMT (H. 05b)

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN “ĐẦU TƯ NÂNG CÔNG SUẤT CÔNG TRÌNH KHAI THÁC
VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ LÀM XÂY DỰNG TẠI MỎ ĐÁ THÔN 10,
XÃ EA M'DOAL, HUYỆN M'ĐRĂK, TỈNH ĐẮK LẮK”**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư nâng công suất công trình khai thác và chế biến đá xây dựng tại mỏ đá thôn 10, xã Ea M'Doal, huyện M'Đrăk
 - Chủ dự án: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dương Lâm Phát
 - Địa điểm thực hiện: Thôn 10, xã Ea M'Doal, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk
 - Địa chỉ liên hệ: Thôn 18, xã Ea Riêng, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk
 - Người đại diện: Ông Nguyễn Thanh Dương, Chức vụ: Giám đốc
 - Vị trí địa lý:
- + *Khu vực khai thác*: Diện tích là 4,31627 ha được giới hạn bởi các điểm góc từ 01 đến 16 (Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 42/GP-UBND ngày 19/8/2022 của UBND tỉnh), tọa độ như sau:

Mốc	Tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực 108,5 ⁰ múi chiều 3 ⁰		Mốc	Tọa độ VN 2000 Kinh tuyến trực 108,5 ⁰ múi chiều 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1416139	546584	9	1416027	546894
2	1416232	546618	10	1415967	546860
3	1416204	546725	11	1415981	546819
4	1416207	546746	12	1416044	546796
5	1416174	546798	13	1416090	546774
6	1416187	546883	14	1416124	546695
7	1416133	546979	15	1416152	546691
8	1416049	546922	16	1416144	546616

Phạm vi ranh giới của khu vực khai thác: Phía Bắc giáp rừng trồng keo lá tràm; phía Nam giáp rừng trồng keo lá tràm và sân của dân; phía Đông giáp rừng trồng keo lá tràm; phía Tây giáp giáp rừng trồng keo lá tràm (ra tỉnh lộ 639B).

+ *Khu vực phụ trợ*: Diện tích là 1,31111 ha, nằm cách khu vực khai thác khoảng 500m về phía Tây Nam. Được giới hạn bởi các điểm góc ranh từ S1 → S11 (Theo Trích lục bản đồ địa chính số 24/TL-VPĐKQSDĐ ngày 21/01/2015 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh), tọa độ như sau:

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục 108,5 độ, múi chiếu 3 độ	
	X (m)	Y (m)
S1	1415836,78	546250,77
S2	1415838,85	546262,67
S3	1415844,69	546276,64
S4	1415852,85	546287,32
S5	1415891,74	546315,11
S6	1415879,65	546342,53
S7	1415854,91	546379,66
S8	1415754,33	546357,41
S9	1415725,48	546336,67
S10	1415793,35	546254,01
S11	1415835,80	546239,32

Phạm vi ranh giới của khu vực phụ trợ: Phía Bắc giáp rừng trồng keo lá tràm, phía Nam giáp rừng trồng keo lá tràm và suối Ea M'Doal, phía Đông giáp rừng trồng keo lá tràm, phía Tây giáp Quốc lộ 119C (Tỉnh lộ 639B).

1.2. Phạm vi và quy mô công suất

- Tổng diện tích đất thực hiện Dự án là 56.273,8m², gồm: Diện tích khai trường khai thác đá là 43.162,7m²; diện tích khu vực phụ trợ 13.111,1m².

- Công suất:

+ Đá nguyên khai: nâng công suất từ 75.000 m³ /năm lên 180.000m³ /năm.

+ Đá thành phẩm: 152.436m³/năm, bao gồm: Đá 4x6 (7.200m³); đá 2x4 (6.429m³); đá 1x2 (63.380m³); đá D_{max} (64.286m³); đá <1cm, đá mi (11.141m³).

- Tuyến đường vận chuyển: Tổng cộng đoạn đường vận chuyển từ khu vực khai thác về khu vực phụ trợ dài 870m, bao gồm:

+ Đường nội bộ trong khu vực khai thác dài 200m, rộng 5m. Đây là đường vận tải tạm thời, bao gồm đường vận tải ở đường hào dự án, đường ở gương xúc và các tầng công tác.

+ Đường từ khu vực khai thác ra đường QL19C dài khoảng 420m, rộng 5m, được lu lèn, mặt đường cấp phối đá dăm.

+ Đoạn đường QL19C đến khu vực phụ trợ: dài 250m, mặt đường nhựa, rộng khoảng 10-12m.

- Hạng mục đầu tư đường vận tải ngoài mỏ; hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ Dự án không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường này.

1.3. Công nghệ khai thác, chế biến

1.3.1. Công nghệ khai thác: Khai thác bằng phương pháp khai thác lộ thiên, gồm các khâu công nghệ: mở vỉa, bóc tầng đất phủ, phá vỡ đất đá bằng khoan nổ mìn lỗ khoan đường kính lớn, bóc xúc máy xúc thủy lực $E = 1,2m^3$, vận chuyển bằng ô tô.

- Trình tự khai thác bao gồm các bước như sau: Chuẩn bị mặt bằng bãi khoan; khoan, nổ mìn; xúc bóc, vận chuyển đá nguyên khai về khu chế biến.

- Quá trình khai thác của mỏ được thực hiện theo hướng khai thác theo từng phần diện tích. Khai thác hết tầng 1 đến tầng 2 trên một diện tích nhất định và sẽ tịnh tiến dần cho đến hết diện tích được phép khai thác.

Hiện trạng mỏ đang được khai thác trên diện tích khoảng 1,5ha với chiều cao tầng trung bình 10m (tương ứng tầng 1), cote đáy moong trung bình ở cao trình +235m (cote kết thúc tầng 1). Dự kiến sẽ tiếp tục tiến hành khai thác từ bờ hướng Bắc của moong về hướng Tây Bắc đến hết diện tích đã bóc phủ. Sau đó, mở moong khai thác cho tầng 2 tại vị trí đáy moong gần góc ranh 7 và khai thác hết tầng 2 của khu vực đã khai thác tầng 1 này. Sau khi kết thúc hết 2 tầng trên diện tích moong hiện tại, hoạt động khai thác được tịnh tiến dần về diện tích mỏ phía Nam và phía Tây Bắc với trình tự khai thác tương tự. Kết thúc khai thác tầng 2 tại cote dừng +225m.

1.3.2. Công nghệ chế biến: Dự án đã đầu tư hai hệ thống đập nghiền sàng di động do nước Nga sản xuất, col 900, với năng suất: $Q_1 = 150$ tấn/h ($\approx 100m^3$ /giờ); $Q_2 = 34$ tấn/h ($\approx 23m^3$ /giờ).

Trình tự khai thác, chế biến: Bóc tầng đất phủ → Khoan khai thác → Nổ mìn → Bóc xúc → Vận chuyển về khu chế biến (nghiên, sàng) → Bãi chứa → Vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ.

1.3.3. Thời gian thực hiện dự án (nâng công suất): Dự kiến là 3 năm 4 tháng, thời gian thực hiện cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác là 8 tháng.

1.4. Các hạng mục, công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục, công trình của dự án

Các công trình, thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến dự án hiện tại đã được đầu tư vẫn đảm bảo đáp ứng cho dự án nâng công suất. Do đó, dự án nâng công suất sẽ không đầu tư mới thiết bị khai thác và chế biến đá.

a) Các hạng mục công trình chính

- 02 Hệ thống đập nghiền sàng, công suất $Q_1 = 150$ tấn/giờ ($100m^3$ /giờ); $Q_2 = 34$ tấn/giờ ($23m^3$ /giờ), diện tích sử dụng của mỗi hệ thống là $60m^2$;

- 01 Bãi chứa đá thành phẩm, diện tích là $10.000m^2$.

- 02 Bãi thải: Bãi thải trong (Nằm trong moong đã khai thác) và bãi thải ngoài diện tích $1.045 m^2$ (đặt tại khu vực phụ trợ).

b) Các hạng mục công trình phụ trợ (hiện có và tiếp tục sử dụng)

Nhà văn phòng (diện tích $60m^2$); nhà ở công nhân (diện tích $54m^2$); bếp, nhà vệ sinh (diện tích $34m^2$); kho vật tư (diện tích $30m^2$); trạm điện (diện tích $6m^2$);

giếng khoan, bể nước (diện tích $16m^2$); kho vật tư (diện tích $30m^2$); nhà điều hành trạm cân, camera giám sát (diện tích $20m^2$); trạm cân 80 tấn (diện tích $30m^2$); đường đi và sân nội bộ khu phụ trợ (diện tích $1.000m^2$).

c) Các công trình bảo vệ môi trường:

- Hệ thống phun nước chống bụi đập nghiền sàng: 02 hệ thống;
- Khu vực chôn lấp hợp vệ sinh chất thải rắn sinh hoạt, diện tích $40m^2$;
- Thùng thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt (03 cái);
- Thùng thu gom, lưu chứa chất thải nguy hại (06 cái);
- 01 Kho lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích $10m^2$;
- Bể tự hoại: 01 cái, dung tích $4,5m^3$, kích thước $1m \times 3m \times 1,5m$, hồ thu;
- Hồ thu nước trong moong (có tác dụng như hồ lắng cặn): 01 hồ tại tầng khai thác 1 (Kích thước $10m \times 10m \times 3m$, dung tích $300m^3$); 01 hồ tại tầng khai thác 2 (Kích thước $25m \times 20m \times 3m$, dung tích $1.500m^3$).
- Hệ thống thoát nước từ hồ thu nước trong moong khai thác ra suối cạn: Tận dụng mương có sẵn dài 30m nối từ hồ thu nước ở cao trình +232m ra suối, Xây dựng mới 01 cống dài 60m nối từ hồ thu nước ở cao trình +222m ra suối.
- Đê bao xung quanh bãi thải ngoài, kích thước dài 200m, rộng 0,2m, cao 2m, taluy 60° .

1.4.2. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động khai thác và chế biến đá;
- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án;
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên làm việc tại dự án;
- Hoạt động vệ sinh, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án được thực hiện trên phạm vi diện tích đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 42/GP-UBND ngày 19/8/2022 và Công văn số 5322/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND tỉnh về việc lập thủ tục điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản (nâng công suất). Trong phạm vi diện tích dự án nâng công suất không có công trình có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Các công trình phụ trợ đã được xây dựng, đều được sử dụng lại. Do đó sẽ không đánh giá trong giai đoạn xây dựng.

2.2. Giai đoạn hoạt động của dự án

- Các hoạt động: khai thác và chế biến đá; sinh hoạt của cán bộ công nhân tại dự án; vận chuyển của các phương tiện giao thông, bảo dưỡng máy móc, thiết bị của dự án.

- Các tác động môi trường: Khí thải, bụi, độ rung, tiếng ồn từ các phương tiện khai thác và chế biến, vận chuyển đá; nước thải sinh hoạt; nước tháo khô mỏ; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn công nghiệp; chất thải nguy hại; sự cố môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước mưa chảy tràn trong khu vực phụ trợ: Lượng nước mưa chảy tràn trên diện tích khu phụ trợ, ước tính lớn nhất là $272,14 \text{ m}^3/\text{ngày}$, trung bình khoảng $110,89 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là TSS, COD, dầu mỡ,...

- Nước tháo khô moong: bao gồm nước mưa chảy vào moong và nước ngầm, trung bình khoảng $646 \text{ m}^3/\text{ngày}$, lưu lượng lớn nhất: $1.496 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (ước tính năm khai thác thứ 3 với lượng nước mưa ngày lớn nhất).

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ công nhân, nhân viên tham gia hoạt động của Dự án tại khu vực văn phòng, nhà ở, bếp ăn công nhân với lưu lượng khoảng $2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm (tính cho 20 người). Thành phần chủ yếu là TSS, BOD_5 , COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, *Coliform*,...

- Nước thải nhiễm dầu mỡ từ hoạt động vệ sinh, bảo trì, sửa chữa máy móc, thiết bị.

- Khí thải: chủ yếu từ máy móc, thiết bị tham gia khai thác, chế biến đá và phương tiện giao thông vận chuyển ra vào dự án. Thành phần chủ yếu là SO_2 , NO_x , CO,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng $10 \text{ kg}/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là túi nilon, thức ăn thừa, vỏ trái cây, vỏ chai lọ thực phẩm,...

- Chất thải rắn thông thường bao gồm:

- + Lốp phủ thực vật: Ước tính sinh khối thực vật phát sinh khoảng 07 tấn.

- + Đất phủ phát sinh từ hoạt động bóc tầng phủ: Khối lượng phát sinh khoảng 39.135 m^3 (khối lượng này được bóc xúc theo trình tự khai thác của mỏ).

- Chất thải nguy hại phát sinh gồm: bóng đèn hư hỏng (10 bóng), bình ắc quy hỏng (3 bình), dầu nhớt thải ($240 \text{ lít}/\text{năm}$), giẻ lau dính dầu nhớt ($80 \text{ kg}/\text{năm}$).

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung: Phát sinh từ hoạt động khoan đá, nổ mìn, chế biến đá, phương tiện giao thông vận chuyển

- Các quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động môi trường khác

Tác động do sự cố, rủi ro như: tai nạn lao động, tai nạn do nổ mìn, sạt lở bờ moong, đá văng, ngập lụt, sạt lở trong mùa mưa,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Nước mưa chảy tràn

Nước mưa trên các mái nhà được chảy tự do xuống sân và kết hợp với nước mưa chảy tràn tại khu vực sân công nghiệp được thoát theo độ dốc tự nhiên của địa hình chảy về suối Ea M'Doal.

b) Nước tháo khô moong

- Tầng 1 khai thác (cote 235m): Thu gom về Hồ thu nước trong khai trường (kích thước: 10m x 10m x 3m, dung tích hồ 300m³. Đào mương thoát ra suối cạn dẫn đến suối Ea M'Doal ở phía Đông Nam dự án. Mương hiện tại dài 30m đặt tại cao trình +238m, nhằm thoát nước tự chảy ra suối Ea M'Doal.

- Tầng 2 khai thác (cote 225m): Thu gom về Hồ thu nước trong khai trường (kích thước: 25m x 20m x 3m, dung tích hồ 1.500m³ tại phía Đông khu vực khai thác. Lắp đặt cống tại cote +222m dẫn ra suối cạn. Cống dài 60m nhằm thoát nước tự chảy ra suối Ea M'Doal.

- Định kỳ nạo vét hồ lắng, hồ thu và mương thoát nước (06 tháng/lần). Nạo vét suối Ea M'Doal đoạn gần vị trí thoát nước của dự án định kỳ 01 lần/năm.

c) Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt tại khu vực văn phòng được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn (Kích thước: 1,0m x 3,0m x 1,5m; thể tích 4,5m³, kết cấu đáy bê tông, tường gạch), sau đó chảy vào hồ thu, định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Nước thải từ hoạt động nấu ăn: Thu gom bằng hồ thu (thể tích 1m³) bằng mương dẫn có song chắn rác và thiết bị vớt dầu mỡ, sau đó chảy về hồ thu, định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Rác và dầu mỡ nấu ăn được tách riêng và lưu giữ tạm tại thùng rác (loại 100 lít), có nắp đậy và được xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt.

d) Nước thải nhiễm dầu mỡ (từ hoạt động vệ sinh, bảo trì, sửa chữa máy móc, thiết bị...):

Được thu gom qua bể tách dầu mỡ (kiểu bể lắng ngang, gồm 2 ngăn, kích thước: 1m x 2m x 1,5m, dung tích 3m³). Nước thải nhiễm dầu mỡ được đưa qua ngăn tách dầu sơ cấp (ngăn 1), dầu mỡ được tách ra và chảy vào ngăn đựng riêng. Nước thải tiếp tục qua ngăn tách dầu thứ cấp (ngăn 2) trước khi nước thải ra ngoài. Các váng dầu mỡ nổi lên được thu gom, lưu chứa tạm tại nhà kho chứa chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý.

*** Yêu cầu về bảo vệ môi trường:** Nước thải phát sinh từ hoạt động dự án phải được thu gom, xử lý đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật

Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$) trước khi thải ra suối Ea M'Đoal; nước thải sinh hoạt phải hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý phải đảm bảo quy định hiện hành và tuân thủ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

4.2. Về xử lý bụi, khí thải, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, chấn động và các ô nhiễm khác

- Áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai, kết hợp thuốc nổ như Sử dụng thuốc nổ Anfo (D60, D90), Nhũ tương (D32, D32-D90, D90), Amonit số 1. Khối lượng thuốc nổ trong mỗi đợt nổ mìn được tính toán đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để giảm thiểu tiếng ồn và đá văng.

- Tuân thủ quy trình kỹ thuật trong hoạt động nổ mìn; đảm bảo khoảng cách an toàn đối với người và thiết bị, công trình theo quy định; thời gian nổ mìn thực hiện theo hộ chiếu đã được phê duyệt. Thông báo lịch nổ mìn cho chính quyền địa phương, công nhân và người lao động làm việc tại mỏ và người dân vùng lân cận được biết.

- Sử dụng xe bồn chứa nước, phun nước định kỳ để giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình bốc xúc và tưới nước dập bụi trên các tuyến đường vận chuyển trong khu vực Dự án.

- Sử dụng hệ thống phun nước dập bụi tại hệ thống đập nghiền sàng (Mỗi băng tải lắp 2 đường ống) để giảm thiểu tác động do bụi trong quá trình chế biến đá. Tại các đầu băng tải sử dụng các vòi phun sương để tạo độ ẩm và chống bụi khi sản phẩm bắt đầu rơi xuống. Các vòi phun sương này được tạo ra bởi máy phun sương có công suất 3KW; lưu lượng nước phun sương là 50l/h. Thiết bị phun sương được lắp đặt 5 đầu vòi tại tất cả các công đoạn của hệ thống sản xuất: hàm đập, hàm nghiền, sàng, đầu băng tải.

- Xe vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá phải chở đúng trọng tải; được phủ bạt che kín để hạn chế phát tán bụi ra môi trường.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị làm việc tại mỏ; trang bị bảo hộ cho công nhân, người lao động theo đúng quy định.

- Duy trì hàng cây xanh xung quanh khu vực dự án. Phối hợp với chính quyền địa phương có kế hoạch trồng và duy trì cây xanh dọc các tuyến đường vận chuyển để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động khai thác (bắt đầu trồng từ năm thứ 1).

*** Yêu cầu về bảo vệ môi trường:** Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật đối với hoạt động khai thác mỏ (QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc nổ; QCVN 04:2009/BCT- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác lộ thiên) và các Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về môi trường hiện hành (QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với

bụi và các chất vô cơ; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung).

4.3. Về biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom, phân loại vào các thùng chứa có nắp đậy tại khu vực phụ trợ và có biện pháp xử lý phù hợp (Chất thải hữu cơ được chôn lấp hợp vệ sinh trong khu vực dự án, diện tích 40m², hố chôn lấp phải có kích thước phù hợp và thực hiện chôn lấp hợp vệ sinh theo quy định; chất thải có thể tái chế chuyển giao cho các cơ sở thu mua). Trường hợp khu vực có đơn vị chức năng, yêu cầu chủ dự án hợp đồng để vận chuyển chất thải rắn đi xử lý đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Sinh khối (Cành, lá, rễ cây thu gom trong quá trình bóc dỡ tầng phủ theo tiến độ khai thác) được tận dụng hoặc đào hố chôn lấp trong khu vực dự án.

+ Khối lượng đất phủ, đất đá thải được thu gom, lưu chứa và sử dụng trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường của dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành Dự án tuân thủ các quy định về quản lý chất thải tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý bãi thải, đảm bảo việc đổ thải đất đá đáp ứng các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

4.4. Về biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

- Lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại tại kho lưu chứa chất thải nguy hại của dự án (Diện tích 10m², kho lưu chứa tạm có quy cách, kích thước, biển cảnh báo, dán nhãn theo quy định về quản lý chất thải nguy hại).

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

* **Yêu cầu về bảo vệ môi trường:** Tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

4.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn về điện, an toàn và vệ sinh lao động trong quá trình vận hành dự án.

- Thiết lập hành lang an toàn trong quá trình nổ mìn, trong thời gian nổ mìn không cho người qua lại trong phạm vi hành lang nổ mìn. Lắp đặt các biển cảnh báo nguy hiểm.

- Tuân thủ đúng phương án khai thác đã được phê duyệt; đảm bảo quy định tại QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Áp dụng biện pháp nổ mìn vi sai, thực hiện nổ mìn theo hộ chiếu để giảm thiểu chấn động.

- Bố trí hồ thu nước, thường xuyên nạo vét rãnh, mương thoát nước để ứng phó sự cố ngập moong khai thác khi trời mưa lớn, kéo dài.

- Tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động để nâng cao ý thức, trách nhiệm cho công nhân và người lao động.

- Trang bị đầy đủ các loại bảo hộ lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân và người lao động tại dự án.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ, an toàn về điện. Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy, chữa cháy tại dự án.

- Trường hợp các phương tiện, thiết bị thi công, xe vận chuyển đá làm hư hỏng công trình, đường giao thông (liên xã, thôn, xóm,...), chủ dự án có trách nhiệm đền bù thiệt hại hoặc sửa chữa, khắc phục kịp thời.

- Để phòng tránh sạt lở tại đoạn mương thoát nước mở ra suối Ea M'Doal (giai đoạn khai thác tầng 1), thường xuyên khơi thông đoạn mương thoát nước và gia cố bờ mương. Trong trường hợp mương bị sạt lở thì tiến hành thi công đắp lại bờ mương; Thường xuyên áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động đến suối Ea M'Doal và khu vực lân cận dự án.

4.6. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

4.6.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Khai trường khai thác: Cải tạo thành hồ chứa nước, cải tạo bờ moong đảm bảo an toàn, kỹ thuật; san gạt mặt bằng đáy moong, lắp hàng rào, biển báo, trồng cây xanh, lắp đặt công lưu thông nước, xây dựng đê bao và tu sửa tuyến đê bao.

- Khu vực bãi thải: phá dỡ kè xung quanh bãi, san gạt mặt bằng và trồng cây xanh.

- Khu vực phụ trợ: Tháo dỡ các hạng mục công trình, san gạt mặt bằng, trồng cây xanh.

- Chi phí khác: Tu sửa đường vận chuyển từ khu vực khai thác ra đường Quốc lộ 19C, Đo vẽ địa hình khi kết thúc khai thác; Giám sát chất lượng môi trường khu vực cải tạo, phục hồi môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp khác như đã nêu trong phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Việc thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án phải phù hợp với quy hoạch của địa phương.

Bảng tổng hợp các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
I	Trong quá trình khai thác			
1.1	Khu vực khai thác			
1	Lắp đặt hàng rào kẽm gai	m		Trong quá trình khai thác
-	Cột bê tông	cột	237	
-	Kẽm gai	m	6.636	
2	Lắp đặt biển báo	cái	10	Trong quá trình khai thác
3	Trồng cây xanh xung quanh moong khai thác	cây	498	Trong quá trình khai thác
4	Xây dựng đê bao xung quanh moong dài 600m	m ³	1.200	Trong quá trình khai thác
1.2	Khu vực phụ trợ			
	Trồng cây xanh xung quanh khu vực phụ trợ	cây	112	Trong quá trình khai thác
II	Sau khi kết thúc khai thác			
2.1	Khu vực khai thác			Sau khi kết thúc khai thác
2.1.1	Củng cố bờ moong			
-	Củng cố bờ moong trong đất phủ (Chiều dài 948, góc nghiêng sườn tầng kết thúc là 45 ⁰)	m ³	2.939	
-	Củng cố bờ moong trong đá gốc (Chiều dài 948m, chiều cao tầng kết thúc 20m; bóc bỏ đá nhô, đá treo trên các sườn tầng; tạo góc nghiêng sườn tầng kết thúc là 75 ⁰)	m ³	94,8	
2.1.2	San gạt đáy moong khai thác (diện tích 39.500m ²)	m ³	7.900	
2.1.3	Lắp đặt cống thoát nước (Đào hào đặt cống 2mx3m, khối lượng đào 60m ³ ; lắp đặt cống bê tông; khối lượng đất đắp là 21,45m ³)	m	10	
2.1.4	Tu sửa đê đất dài 600m			
-	Vận chuyển đất	m ³	660	
-	Đắp đất	m ³	600	
2.2	Bãi thải đất đá		0	Sau khi kết thúc khai thác
2.1	Phá dỡ kè xung quanh bãi thải	m ³	80	
2.2	San gạt mặt bằng bãi thải	m ³	314	
23	Trồng cây xanh khu vực bãi thải	cây	137	
2.3	Khu phụ trợ			Sau khi kết

STT	Hạng mục	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
				thúc khai thác
2.3.1	Tháo dỡ công trình			
a	Tháo dỡ hệ thống đập nghiền sàng	Tấn	10	
b	Phá bỏ, san gạt cầu cạn lên xuống mặt bằng khu vực cấp liệu	m ³	1.280	
c	Tháo dỡ trạm cân 80T			
-	Phá dỡ sàn kết cấu bê tông, nền móng không có cốt thép	m ³	10	
-	Tháo dỡ kết cấu sắt thép	Tấn	2	
d	Tháo dỡ trạm biến áp	Tấn	0,65	
e	Tháo dỡ những công trình sau khai thác			
	Tháo dỡ nhà, kho			
	- Phá dỡ tường	m ³	20,6	
	- Phá dỡ nền bê tông	m ³	39,6	
	- Tháo dỡ mái tôn	m ²	198	
	- Tháo dỡ cửa	m ²	26,1	
	- Phá dỡ bể tự hoại	m ³	12	
f	Vận chuyển vật liệu ra khỏi dự án bằng ô tô tải 7 tấn	ca	4	
g	Thu gom và vận chuyển chất thải thông thường đi xử lý	tấn	200	
h	Thu gom và vận chuyển CTNH đi xử lý	tấn	0,2	
2.3.2	San gạt mặt bằng khu phụ trợ	m ³	3.617	
2.3.3	Trồng cây xanh khu vực phụ trợ	cây	1.568	
2.4	Tu sửa đường giao thông	m ²	2.100	Sau khi kết thúc khai thác
2.5	Đo vẽ địa hình khi kết thúc khai thác	Bản đồ	1	Sau khi kết thúc khai thác
2.6	Giám sát môi trường	năm	1	Thực hiện 1 năm trong quá trình thực hiện cải tạo, PHMT

4.6.2. Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (làm tròn) là: **1.499.809.000 đồng** (Một tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, tám trăm lẻ chín ngàn đồng chẵn), chưa tính đến yếu tố trượt giá, thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 37 và điểm c khoản 5 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bao gồm:

- + Chi phí xây dựng: 1.131.340.380 đồng
- + Chi phí duy tu, bảo trì và hành chính: 113.134.038 đồng
- + Chi phí quản lý dự án: 40.241.777 đồng

- + Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình: 143.673.472 đồng
- + Chi phí dự phòng: 71.419.483 đồng.
- Chủ dự án đã thực hiện ký quỹ tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đắk Lắk với số tiền là 600.428.630 đồng. Do đó, số tiền ký quỹ của dự án phải thực hiện là **899.380.370 đồng** (Bằng chữ: Tám trăm chín mươi chín triệu, ba trăm tám mươi ngàn, ba trăm bảy mươi đồng), chưa tính đến yếu tố trượt giá, thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 37 và điểm c khoản 5 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Phương thức ký quỹ:
 - + Số lần ký quỹ: 3 lần, tính cho thời hạn khai thác còn lại của Dự án là 3 năm 4 tháng.
 - + Số tiền ký quỹ lần đầu, bằng 25% tổng số tiền ký quỹ: 224.845.093 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi lăm ngàn, không trăm chín mươi ba đồng).
 - + Số tiền ký quỹ những lần tiếp theo (Từ lần thứ 2, lần thứ 3): 337.267.639 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi bảy ngàn, sáu trăm ba mươi chín đồng).
- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc Quỹ Đầu tư và Phát triển Đắk Lắk hoặc các đơn vị khác có chức năng theo quy định pháp luật.
- Thời điểm ký quỹ: Chủ dự án thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành tại thời điểm thực hiện. Sau mỗi lần ký quỹ, Chủ dự án phải báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát.
- + Ký quỹ lần đầu: Trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường.
- + Ký quỹ từ lần thứ 2 trở đi: Trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.
- Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn khai thác khác với thời gian dự kiến trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt, Chủ dự án có trách nhiệm điều chỉnh nội dung và tính toán số tiền ký quỹ theo thời gian cấp phép tại Giấy phép khai thác khoáng sản của Dự án và gửi cơ quan có thẩm quyền để xem xét, điều chỉnh.

5. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành của Chủ dự án (Dự án nâng công suất từ mỏ đang hoạt động nên không thực hiện xây dựng cơ bản mỏ)

5.1. Giám sát chất thải rắn

- Tần suất giám sát: thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi).
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.

- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.2. Giám sát chất thải nguy hại

- Tần suất giám sát: thường xuyên và khi có khối lượng bàn giao cho đơn vị chức năng thu gom, xử lý (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi).

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

5.3. Giám sát môi trường không khí khu vực dự án

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

- Vị trí giám sát: 03 vị trí

- + 01 điểm tại vị trí khu vực khai thác (X= 1416155m, Y= 546772m);

- + 01 điểm tại hệ thống đập nghiền sàng 1 (X= 1415813m, Y= 546302m);

- + 01 điểm tại hệ thống đập nghiền sàng 2 (X= 1415831m, Y= 546308m).

- Thông số chọn lọc: tổng bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Quy chuẩn so sánh: Tuân thủ theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.4. Giám sát nước tháo khô moong

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm (tại điểm cuối hồ thu nước, trước khi xả vào suối, tọa độ X= 1416116m, Y= 546942m).

- Thông số: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, Nitrit (NO₂⁻), Phốt phat (PO₄³⁻), tổng dầu mỡ khoáng, tổng *Coliforms*.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B (k_q = 0,9; k_f = 1,1).

5.5. Giám sát chất lượng nước mặt

- Tần số giám sát: 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại suối Ea M'Doal (tọa độ X= 1416002m, Y= 547117m).

- Thông số: pH, BOD₅, COD, DO, TSS, NO₂⁻, PO₄³⁻, Cl⁻, Fe, Tổng dầu mỡ.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.6. Giám sát chất lượng nước dưới đất

- Tần số giám sát: 06 tháng/lần.

- Vị trí giám sát: 01 điểm giếng nước khu vực phụ trợ.

- Thông số chọn lọc: pH, độ đục, Độ cứng tổng số (theo CaCO₃), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Amôni (NH₄⁺ tính theo N), Nitrat (NO₃⁻ tính theo N), Nitrit (NO₂⁻ tính theo N), Clorua (Cl⁻), Sắt (Fe), *Coliform*.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.7. Các giám sát khác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Vị trí giám sát: các vị trí xung yếu của khu vực khai thác và bãi thải; khu vực phụ trợ và vùng lân cận (chịu tác động bởi hoạt động dự án).

- Nội dung giám sát:

- + Xác định các nguy cơ, sự cố do sụt lún, sạt lở đất, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác xảy ra;

- + Việc thực hiện các quy định về an toàn và vệ sinh lao động; phòng cháy chữa cháy; an toàn điện.

- + Giám sát chấn động, đá văng, ảnh hưởng tác động sóng không khí.

- Tuân thủ theo các quy định về tiêu thoát nước; phòng cháy chữa cháy; an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định pháp luật liên quan. Tuân thủ QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 01:2019/BCT; báo cáo kết quả giám sát theo hướng dẫn tại Điều 28 QCVN 01:2019/BCT hướng dẫn báo cáo kết quả giám sát.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách

của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chỉ được triển khai xây dựng dự án sau khi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về đất đai và khoáng sản theo quy định.

6.2. Tuân thủ Quy hoạch tổng thể đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thiết kế cơ sở của dự án (bao gồm các công trình bảo vệ môi trường) phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

6.3. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án. Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án; đền bù thiệt hại đối với các công trình bị hư hại do hoạt động của dự án gây ra.

6.4. Khoanh định hành lang thi công, ranh giới chiếm dụng đất của Dự án. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, công suất, trữ lượng và thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản.

6.5. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án. Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành về môi trường và an toàn trong khai thác lộ thiên, quy chuẩn quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp, quản lý chất thải phát sinh từ hoạt động Dự án. Hạn chế tối đa các tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, sóng chấn động, sóng va đập không khí, đá văng và sự cố sụt lún, sạt lở đất; đảm bảo an toàn đối với người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động khai thác và sau khi kết thúc đóng cửa mỏ.

6.6. Xây dựng hoàn chỉnh các công trình thu gom, xử lý chất thải của Dự án và vận hành các công trình này quy định. Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước mỏ và thường xuyên nạo vét, gia cố. Thu gom, xử lý toàn bộ các loại nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án theo đúng phương án đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; đảm bảo xử lý nước thải tháo khô mỏ đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B với hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$) trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận (suối Ea M'Doal);

6.7. Phối hợp với chính quyền địa phương lập phương án trồng và duy trì cây xanh dọc tuyến đường vận tải thuộc khu vực Dự án, tạo cảnh quan môi trường, hạn chế khả năng lan truyền bụi, xói mòn, rửa trôi. Tăng cường việc theo dõi, giám sát đối với khu vực khai trường và bãi chứa tạm; thực hiện nghiêm biện pháp tưới nước, phun nước để giảm thiểu bụi tại khu vực chế biến; bãi thải; bảo đảm không để xảy ra sạt lở, tràn lấp hoặc các tác động khác gây ô nhiễm môi trường.

6.8. Tuân thủ các quy định về kỹ thuật khai thác, nổ mìn và các biện pháp an toàn trong phòng chống cháy nổ, sụt lún, sạt lở, đá văng. Xây dựng kế hoạch, lắp

đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường; bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường, rủi ro có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định. Khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng dịch chuyển, sụt lở bờ mỏ, moong khai thác, bãi thải hoặc có bất kỳ sự cố môi trường nào xảy ra, Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động khai thác, báo cáo kịp thời cho các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức có liên quan để phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và khắc phục sự cố theo đúng quy định của pháp luật.

6.9. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với hoạt động khai thác khoáng sản; đảm bảo nguồn lực tài chính để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu quan trắc để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra.

6.10. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường; công tác cải tạo, phục hồi môi trường; chế độ thông tin, báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường, việc thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6.11. Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu có sự thay đổi liên quan đến công trình bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến cấp có thẩm quyền để kịp thời xem xét, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế./.